TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2021/HS-PT
Ngày: 14/5/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Đình Quyến.

Các Thẩm phán: 1. Bà Đinh Thị Tuyết

2. Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Cầu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 102/2021/TLPT-HS ngày 25 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo Võ Quang T phạm tội *"Gá bạc"* và bị cáo Bùi Thị L phạm tội *"Đánh bạc"*, do có kháng cáo của các bị cáo Võ Quang T, Bùi Thị L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2021/HSST ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Võ Quang T**, sinh năm 1972, tại tỉnh Nghệ An; nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố X, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nơi ở hiện nay: Thôn Y, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Sỹ C (đã chết) và bà Vũ Thị P1; bị cáo có vợ Lê Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2020 đến ngày 13/8/2020. Hiện đang tại ngoại (Có mặt tại phiên toà).

2. Họ và tên: **Bùi Thị L**, sinh năm 1974, tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn C1, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Công P1 và bà Nguyễn Thị C2 (đều đã chết); bị cáo có chồng Trần Minh H1 và có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1997; Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 07/01/2021 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội "Đánh bạc" tại Bản án số 05/2021/HS-PT, bị cáo đi chấp hành án từ ngày 23/02/2021

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2020 đến ngày 16/10/2020. Hiện đang tại ngoại (Có mặt tại phiên toà).

(Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Hồ Đức T1, Trần Đăng P2, Nguyễn Duy T2, Nguyễn Văn T3, Dương Thị T4, Bùi Văn H2, Trần Đăng P2, Nguyễn Hồ Hữu H3, Nguyễn Văn T, Phạm Xuân S, Hoàng Đình H4 và Võ Văn H5 không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 25 phút ngày 04/8/2020, Trần Đăng P2, Bùi Thị L, Phạm Xuân S, Nguyễn Hồ Hữu H3 đến nhà Dương Thị T4 chơi và rủ nhau tìm địa điểm đánh bạc. T4 sử dụng điện thoại gọi cho Bùi Văn H2 xem có chỗ nào chơi đánh bạc không, H2 trả lời không nên T4, P2, L, S và H3 tiếp tục ngồi chơi thì Nguyễn Duy T2 và Nguyễn Văn T3 cũng đi đến nhà T4 chơi. T2 và T3 ngồi chơi một lúc thì rủ nhau đi uống cà phê tại thị trấn E. Khoảng 10 giờ 45 phút, khi ngồi chơi tại nhà T4 thì S điện thoại cho H2 và nói H2 mượn nhà Võ Quang T tại Tổ dân phố X, thị trấn E để đánh bạc thì H2 đồng ý, sau đó H2 gọi cho T hỏi mượn nhà thì T đồng ý. H2 gọi điện báo lại cho S và tiếp tục gọi điện rủ Nguyễn Văn T3 đến nhà T để đánh bạc. Khi gọi điện thoại xong, H2 điều khiển xe mô tô biển số 47F9-0514 chở T3 đến nhà T, T4 điều khiển xe mô tô biển số 47F1-525.72 chở L, P2 điều khiển xe mô tô biển số 47F1-168.94 đi một mình, H3 đi xe thồ, S điều khiển xe mô tô biển số 47F1-216.46 đi một mình; trên đường đi S rủ thêm Hồ Đức T1 đến nhà T để đánh bạc thì T1 đồng ý và T1 điều khiển xe mô tô biển số 47G1-058.78 đi cùng S. Khoảng 11 giờ 30 phúc cùng ngày, các đối tượng tập trung đến nhà T, T lấy 01 chiếc chiếu nhựa trải xuống nền phòng khách, lấy 01 chén sứ, 01 đĩa sứ, 01 bộ bài tú lơ khơ và 01 kéo sắt để lên trên chiếu, P2 ngồi xuống chiếu cầm kéo cắt 02 lá bài (01 lá bài 02 cơ và 01 lá bài 04 cơ) thành 04 con vị hình tròn bỏ vào trong chén và đĩa sứ và bắt đầu đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, gồm có P2, T1, S, H3, H2, T2, T4 tham gia chơi đánh bạc, mỗi ván đặt cược dao động từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng, còn T đi ra trước sân nhà ngồi chơi. Bùi Thị L mang theo số tiền 8.700.000 đồng để cho vay và cầm cố tài sản cho các con bạc khi có nhu cầu. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày thì có thêm Võ Văn H5 điều khiển mô tô 47B1-583.41 đến nhà T thấy đang đánh bạc nên H5 cũng tham gia; lúc sau T2 và T3 cũng đến nhà T để tham gia đánh bạc. Trong lúc đánh bạc thì P2, T1, S, H3, H2, T3, T4, H5, T2 và T3 thống nhất mỗi người bỏ ra số tiền 100.000 đồng gọi là tiền xâu để trả cho T. Khi góp lại được 1.000.000 đồng tiền xâu thì T3 lấy và đưa cho T, T cất số tiền này trong người. Khoảng 10 phút sau thì T4 thua hết tiền nên ngồi xem, T1 thua hết số tiền mang theo nên cầm cố chiếc xe mô tô 47G1-058.78 cho L lấy số tiền 5.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc; T2 thua hết tiền và hỏi L cầm chiếc xe mô tô 47M1-722.88 để lấy tiền đánh bạc nhưng do T2 không mang theo giấy tờ xe nên L không đồng ý cầm cố do đó T2 không tham gia đánh bạc nữa mà chỉ ngồi xem. Khoảng 13 giờ 25 phút cùng ngày, Hoàng Đình H4 điều khiển xe mô tô 47F1-001.25 đi đến nhà T chơi thì thấy có đánh bạc nên H4 đi vào cùng tham gia đánh bạc. Đến khoảng 13 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Cơ quan

Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 32.750.000 đồng, thu trên người của Bùi Thị L số tiền 3.700.000 đồng và thu giữ trên người Võ Quang T số tiền 1.000.000 đồng là tiền xâu, cùng các tang vật, dụng cụ, phương tiện liên quán đến hành vi đánh bạc.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2021/HSST ngày 08/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Võ Quang T phạm tội *"Gá bạc"*, các bị cáo: Hồ Đức T1, Trần Đăng P2, Bùi Văn H2, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hồ Hữu H3, Dương Thị T4, Bùi Thị L, Phạm Xuân S, Hoàng Đình H4, Võ Văn H5, Nguyễn Duy T2 và Nguyễn Văn T3 phạm tội *"Đánh bạc"*

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Võ Quang T 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/8/2020 đến 13/8/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Thị L 01 năm tù. Tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù của Bản án hình sự phúc thẩm số 05/2021/HSPT ngày 07/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Buộc bị cáo Bùi Thị L phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/12/2019 đến ngày 14/02/2020 và từ ngày 04/8/2020 đến ngày 19/10/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo Hồ Đức T1, Nguyễn Duy T2, Nguyễn Văn T3, Dương Thị T4, Bùi Văn H2, Trần Đăng P2, Nguyễn Hồ Hữu H3, Nguyễn Văn T, Phạm Xuân S, Hoàng Đình H4 và Võ Văn H5; quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các ngày 09, 17/02/2021 bị cáo Bùi Thị L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; bị cáo Võ Quang T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo T xin được hưởng án treo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo và khẳng định Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử bị cáo Võ Quang T về tội "Gá bạc" theo điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự và bị cáo Bùi Thị L về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo Bùi Thị L là thỏa đáng, tương xứng với tính chất mức độ hành vi của bị cáo, tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét kháng cáo của bị cáo Võ Quang T, thấy rằng số tiền mà bị cáo hưởng lợi không lớn, sau khi phạm tội đã nộp trị giá ½ căn phòng, bị cáo đang thờ cúng bác ruột là liệt sỹ,

bản thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, nên cần chấp nhận một phần kháng cáo giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự - Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Võ Quang T, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thị L

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì mà chỉ xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập, đánh giá có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 10 giờ 45 phút ngày 04/8/2020, sau khi được Bùi Văn H2 gọi điện mượn địa điểm để đánh bạc thì Võ Quang T đã đồng ý cho mượn nhà, đồng thời khi các con bạc đến nhà thì Quang T đã chuẩn bị công cụ cho các con bạc và nhận tiền xâu 1.000.000 đồng. Các bị cáo Hồ Đức T1, Trần Đăng P2, Bùi Văn H2, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hồ Hữu H3, Dương Thị T4, Phạm Xuân S, Hoàng Đình H4, Võ Văn H5, Nguyễn Duy T2 và Nguyễn Văn T3 đã có hành vi tham gia đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa thắng thua bằng tiền tại nhà Võ Quang T, Bùi Thị L có hành vi mang theo số tiền 8.700.000 đồng với mục đích để cho các con bạc vay và cầm cố tài sản. Sau đó thì bị Công an tỉnh Đắk Lắk phát hiện bắt quả tang, tổng số tiền thu trên chiếu bạc và thu trên người các bị cáo là 47.450.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Võ Quang T phạm tội *"Gá bạc"* theo điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự, bị cáo Hồ Đức T1 phạm tội *"Đánh bạc"* theo điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự và các bị cáo Trần Đăng P2, Bùi Văn H2, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hồ Hữu H3, Dương Thị T4, Bùi Thị L, Phạm Xuân S, Hoàng Đình H4, Võ Văn H5, Nguyễn Duy T2 và Nguyễn Văn T3 phạm tội *"Đánh bạc"* theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đủ căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Võ Quang T, xét thấy: Mức hình phạt 02 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là nặng so với tính chất mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và không công bằng với mức hình phạt của các bị cáo khác, bởi lẽ bị cáo không chủ động phạm tội mà do người khác rủ rê, số tiền hưởng lợi không lớn 1.000.000 đồng, sau khi phạm tội đã nộp trị giá ½ căn phòng, bị cáo đang thờ cúng bác ruột là liệt sỹ, bản thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, có nơi ở ổn định rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng thêm Điều 65 của BLHS cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương phối

hợp với gia đình bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giảm một phần hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo kèm thời gian thử thách nhằm thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Bùi Thị L, xét thấy: Xét mức hình phạt 01 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là nặng, bởi lẽ bị cáo không trực tiếp tham gia đánh bạc chỉ là người giúp sức với vai trò đồng phạm, tuy nhiên, do bị cáo đã có 01 tiền án về tội "Đánh bạc" nhưng lại tiếp tục phạm tội nên không thể cho bị cáo hưởng án treo được. Do đó chỉ chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo L giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo Võ Quang T, Bùi Thị L được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Quang T, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Bùi Thị L.

- Sửa Bản án sơ thẩm số 05/2021/HSST ngày 08/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt.

[2] - Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Võ Quang T 01 (một) năm tù** về tội "Gá bạc", nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là **02 (hai) năm** kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Trong thời gian thử thách giao bị cáo cho UBND xã E, huyện K tỉnh Đăk Lăk giám sát giáo dục; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách

Trong tường hợp người được hưởng án treo thay đổi hoặc vắng mặt tại nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Bùi Thị L 06 (sáu) tháng tù** về tội "Đánh bạc".

Tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù của Bản án hình sự phúc thẩm số 05/2021/HSPT ngày 07/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Buộc bị cáo

Bùi Thị L phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án ngày 23/02/2021, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/12/2019 đến ngày 14/02/2020 và từ ngày 04/8/2020 đến ngày 16/10/2020.

[3] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Các bị cáo Võ Quang T, Bùi Thị L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND Tối cao;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);*
- *Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;*
- *Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;*
- *Sở Tư pháp;*
- *Cục T.H.A DS tỉnh Đắk Lắk;*
- *Cơ quan T.H.A HS Công an tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND huyện Ea Kar;*
- *VKSND huyện Ea Kar;*
- *Công an huyện K;*
- *Chi cục T.H.A DS huyện K;*
- *Cơ quanTHAHS Công an huyện K;*
- *Bị cáo;*
- *Đương sự;*
- *……..;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Doãn Đình Quyến